

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bố trí đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp cho 43 hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do GPMB thực hiện dự án đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi, Địa bàn: xã Cát Hải, Cát Khánh, huyện Phù Cát (đợt 1).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 2597/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư thôn

An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến - Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xác định giá đất ở cụ thể và giá đất ở thị trường để lập phương án giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến-Đề Gi, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 50/TTr-HĐBT ngày 17/3/2021 và Biên bản cuộc họp ngày 12/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bố trí đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp cho 43 hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi, địa bàn xã Cát Hải, Cát Khánh, huyện Phù Cát, với nội dung chính như sau:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định cư: 43 hộ/43 lô đất, trong đó:

a. Địa bàn xã Cát Hải, huyện Phù Cát

- Tổng diện tích đất ở tái định cư giao trong đợt này là 6.678,06m² /24 lô đất tái định cư/24 hộ.

- Vị trí giao đất tái định cư gồm:

+ Khu tái định cư thôn Tân Thanh: 10 lô đất tái định cư/10 hộ.

+ Khu tái định cư thôn Chánh Oai: 10 lô đất tái định cư/10 hộ.

+ Khu tái định cư thôn Tân Thắng: 04 lô đất tái định cư/04 hộ.

b. Địa bàn xã Cát Khánh, huyện Phù Cát

- Tổng diện tích đất ở tái định cư giao trong đợt này là 3.680,7m²/19 lô đất tái định cư/19 hộ.

- Vị trí giao đất tái định cư gồm:

+ Khu quy hoạch dân cư thôn An Quang Tây: 05 lô đất tái định cư/05 hộ.

+ Khu tái định cư thôn An Quang Đông: 14 lô đất tái định cư/14 hộ.

2. Tổng giá trị tiền sử dụng đất tái định cư mà 43 hộ gia đình, cá nhân phải nộp: 19.971.291.000đồng. Trong đó:

- Địa bàn xã Cát Hải (24 hộ): 15.583.392.000 đồng.

- Địa bàn xã Cát Khánh (19 hộ): 4.387.899.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1,2,3 kèm theo và phương án chi tiết theo Văn bản số 50/TTr-HĐBT ngày 17/3/2021 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng).

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao

thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP DO GPMB
DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN CÁT TIẾN - ĐỀ GI, ĐỊA BÀN XÃ CÁT HẢI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở			Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp						
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
A. Địa bàn thôn Tân Thanh, xã Cát Hải								3.957,0				8.207.343.840
I	Giải tỏa trắng							3.219,5				5.739.504.000
1	Nguyễn Văn Lai	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	200,00	374,90	1.323.788.800	Lô 9 - Khu OLK-06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	250	3.000.000	3.360.000	1	768.000.000
2	Trần Văn Tình	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	200,00	210,30	1.116.153.600	Lô 6 - Khu OLK-06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	250	3.000.000	3.360.000	1	768.000.000
3	Đồng Thị Nền	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	200,00	305,00	1.176.160.000	Lô 4 - Khu OLK-06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	250	3.000.000	3.360.000	1	768.000.000
4	Đồng Thanh Sơn, vợ Nguyễn Thị Kim Song	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	200,00	55,10	788.371.200	Lô 10 - Khu OLK-06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	257,0	3.000.000	3.360.000	1,2	949.824.000
5	Võ Thị Kim Thoa	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	200,00	36,60	749.299.200	Lô 8 - Khu OLK-06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	250	3.000.000	3.360.000	1	768.000.000
6	Nguyễn Thị Bón	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	150,00	63,40	637.900.800	Lô 2 - Khu OLK-06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	250	3.000.000	3.360.000	1	786.000.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở			Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp						
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
7	Nguyễn Phiến, vợ Trương Thị Châu	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	60,00	25,60	357.042.200	Lô 10 - Khu OLK- 07 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	237,5	3.000.000	3.360.000	1,2	931.680.000
II	Giải tỏa một phần							737,5				2.467.839.840
1	Nguyễn Văn Hùng, vợ Đặng Thị Xuân	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	124,10		416.976.000	Lô 3 - Khu OLK- 06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	250	3.000.000	3.360.000	1	795.324.000
2	Lê Thái Hùng, vợ Đỗ Thị Thu	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	122,88	214,72	866.365.440	Lô 1 - Khu OLK- 06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	237,5	3.000.000	3.360.000	1,2	904.515.840
3	Trần Thị Cua	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	200,00	29,40	734.092.800	Lô 7 - Khu OLK- 06 (ĐS4-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thanh	250	3.000.000	3.360.000	1	768.000.000
B. Địa bàn thôn Chánh Oai, xã Cát Hải								1.921,06				5.192.708.000
I	Giải tỏa trắng							1.374,08				3.741.312.000
1	Mai Thị Lũng (chết), cháu Võ Văn Long	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	200,00	351,10	1.234.245.000	Lô 9 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639- lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	211,57	2.700.000	3.000.000	1	574.710.000
2	Nguyễn Thị Nhĩ	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	200,00	337,00	1.251.084.000	Lô 8 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639- lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	207,38	2.700.000	3.000.000	1	562.140.000
3	Nguyễn Thị Ca, chồng Lê Văn Hôn	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	200,00	262,60	1.107.343.200	Lô 7 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639- lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	203,18	2.700.000	3.000.000	1	549.540.000
4	Nguyễn Thị Lan	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	200,00	238,90	989.554.800	Lô 6 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639- lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	196,98	2.700.000		1	531.846.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở			Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp						
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
5	Võ Vân, vợ Hà Thị Tho	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	200,00	192,10	899.137.200	Lô 5 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	194,78	2.700.000		1	525.906.000
6	Huỳnh Thị Tuyết	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	190,00		570.000.000	Lô 1 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	178,00	2.700.000		1	480.600.000
7	Lương Thanh Tiến, vợ Huỳnh Thị Liên	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	100,00	95,60	484.699.200	Lô 2 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	182,19	2.700.000	3.000.000	1	516.570.000
II	Giải tỏa một phần							546,98				1.451.396.000
1	Huỳnh Thị Trí	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	200,00	145,30	1.362.946.800	Lô 4 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	190,59	2.700.000		1	514.593.000
2	Võ Văn Bình, vợ Đặng Thị Lòi	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	179,00	240,50	1.001.646.000	Lô 3 - Khu ĐO-01 (tiếp giáp ĐT.639-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	186,39	2.700.000	3.000.000	1	505.470.000
3	Nguyễn Thị Dường	Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	148,9	196,51	617.707.300	Lô 18 - Khu ĐO-01, đường ĐS2-lộ giới 14m)	Khu Tái định cư thôn Chánh Oai	170,00	2.500.000	2.800.000	1	431.333.000
C. Địa bàn thôn Tân Thắng, xã Cát Hải								800				2.183.340.000
I	Giải tỏa trắng							400				1.080.000.000
1	Nguyễn Văn Lâm	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	200,00	1.070,6	854.499.200	Lô 16 - Khu OLK-02 (Đường ĐS1-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thắng	200,00	2.700.000		1	540.000.000
2	Lê Thanh Cảnh, vợ Ngô Thị Cẩm	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	200,00	185,4	958.192.800	Lô 17 - Khu OLK-02 (Đường ĐS1-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thắng	200,00	2.700.000		1	540.000.000
II	Giải tỏa một phần							400,00				1.103.340.000

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở			Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp						
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
1	Đặng Thị Lục	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	148,20		444.600.000	Lô 15 - Khu OLK- 02 (Đường ĐS1-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thắng	200	2.700.000	3.000.000	1	555.540.000
2	Nguyễn Thị Thị ©, Con Nguyễn Thị Hồng Mơ (ĐD)	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	174,00	368,30	1.170.915.600	Lô 18 - Khu OLK- 02 (Đường ĐS1-lộ giới 12m)	Khu Tái định cư thôn Tân Thắng	200	2.700.000	3.000.000	1	547.800.000
Tổng cộng						0		6.678,06				15.583.392.000

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP DO GPMB
DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN CÁT TIẾN - ĐỀ GI, ĐỊA BÀN XÃ CÁT KHÁNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở			Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp								
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất	Lô đất, mặt đường	Thửa đất số	Tờ bản đồ	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
1	Dương Văn Nam, vợ Nguyễn Thị Loan	thôn An Quang Đông	69,35	207,95	268.527.270	Lô số 8- Đường quy hoạch 8 mét	76	6	Khu QHDC thôn An Quang Tây	154,1	1.100.000	1.400.000	1	194.935.000
2	Đoàn Minh Thành	thôn An Quang Đông	45,08	592,02	486.747.690	Lô số 6- Đường quy hoạch 8 mét	74	6	Khu QHDC thôn An Quang Tây	181,1	1.100.000	1.400.000	1	240.016.000
3	Dương Văn Minh, vợ Huỳnh Thị Thanh Thúy	thôn An Quang Đông	76,70		67.112.500	Lô số 4- Đường quy hoạch 8 mét	72	6	Khu QHDC thôn An Quang Tây	183,4	1.100.000	1.400.000	1	233.750.000
4	Mai Thị Chung	thôn An Quang Đông	200,00	4.001,80	1.138.267.620	Lô số 5- Đường quy hoạch 8 mét	73	6	Khu QHDC thôn An Quang Tây	194,5	1.100.000		1	213.950.000
5	Nguyễn Thị Thu	thôn An Quang Đông	200,00	1.227,50	1.049.738.600	Lô số 7- Đường quy hoạch 8 mét	75	6	Khu QHDC thôn An Quang Tây	167,6	1.100.000		1	184.360.000
Tổng cộng										880,70				1.067.011.000

PHỤ LỤC 3
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP DO GPMB
DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN CÁT TIẾN - ĐỀ GI, ĐỊA BÀN XÃ CÁT KHÁNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích đất có nhà ở bị thu hồi và Giá trị bồi thường đất ở			Đất tái định cư được giao và giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp						
			Diện tích đất ở được bồi thường (m ²)	Diện tích đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (m ²)	Tổng giá trị bồi thường về đất	Lô đất, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất cụ thể khu TĐC	Đơn giá đất ở sát giá thị trường	Hệ số lô góc	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)
I	Giải tỏa Trắng							1800,00				2.100.888.000
1	Nguyễn Hữu Tuấn	thôn An Quang Đông	200,00	2.154,80	1.436.322.600	Điều chỉnh Lô số 23- Khu ĐỒ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
2	Nguyễn Trần Khoa, vợ Nguyễn Thị Lang	thôn An Quang Đông	200,00	250,00	495.375.000	Lô số 24-Khu ĐỒ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
3	Huỳnh Văn Sụi, vợ Nguyễn Thị Võ	thôn An Quang Đông	200,00	564,80	607.039.200	Lô số 25-Khu ĐỒ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
4	Huỳnh Sơn	thôn An Quang Đông	200,00	546,50	450.992.250	Lô số 26-Khu ĐỒ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
5	Võ Văn Thanh	thôn An Quang Đông	84,60		74.025.000	Lô số 27-Khu ĐỒ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000	1.400.000	1	254.620.000

6	Phan Đình Nhu, vợ Võ Thị Hoa	thôn An Quang Đông	200,00	217,90	386.348.900	Lô số 28-Khu ĐỜ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
7	Đình Long, vợ Trần Thị Hồng	thôn An Quang Đông	85,04	142,96	217.298.520	Lô số 29-Khu ĐỜ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000	1.400.000	1	254.488.000
8	Lê Văn Tường	thôn An Quang Đông	137,10		119.962.500	Lô số 30-Khu ĐỜ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000	1.400.000	1	238.870.000
9	Nguyễn Thị Quân	thôn An Quang Đông	90,30		79.012.500	Lô số 31-Khu ĐỜ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000	1.400.000	1	252.910.000
II	Giải tỏa 1 phần không đủ điều							600,0				660.000.000
1	Võ Văn Bình, vợ Nguyễn Thị Kim Thoa	thôn Chánh Lợi	200,00	1.893,10	1.422.229.400	Lô số 32-Khu ĐỜ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
2	Nguyễn Thị Hà, chồng Lê Đức	thôn Chánh Lợi	200,00	1.222,40	954.650.500	Lô số 33-Khu ĐỜ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
3	Nguyễn Tùy, vợ Phạm Thị Lan	thôn An Quang Đông	200,00	1.239,40	1.017.558.700	Lô số 34-Khu ĐỜ-04, Đường Gom, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0	1.100.000		1	220.000.000
III	Không còn chỗ ở nào khác							400,0				560.000.000
1	Nguyễn Ngọc Tỉnh, vợ Nguyễn Thị Kim Dung	thôn An Quang Đông		772,50	209.270.200	Lô số 18-Khu ĐỜ-04, Đường ĐN1, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0		1.400.000	1	280.000.000

2	Lê Thị Diệu, con Huỳnh Thị Đức	thôn An Quang Đông		1.390,10	376.578.000	Lô số 23-Khu ĐƠ-05, Đường ĐN1, lộ giới 14 mét	Khu TĐC thôn An Quang Đông	200,0		1.400.000	1	280.000.000
Tổng cộng								2.800,00				3.320.888.000